

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT ÁP DỤNG GIAI ĐOẠN 2020-2024  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHỢ MỚI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/2019/QĐ-UBND  
ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:**

**I. Giới hạn đô thị:** Toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Chợ Mới và thị trấn Mỹ Luông.

**II. Giá đất phân theo vị trí, phân loại đường phố:**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
<b>A</b>	<b>Thị trấn Chợ Mới</b>			
<b>I</b>	<b>Đường loại 1</b>			
1	Nguyễn Huệ	Nguyễn Hữu Cảnh - đầu đường Trần Hưng Đạo	1	3.000
2	Nguyễn Thái Học	Rạch Ông Chường - Trần Hưng Đạo	1	3.000
3	Phạm Hồng Thái	Rạch Ông Chường - Trần Hưng Đạo	1	3.000
4	Lê Lợi	Nguyễn Hữu Cảnh - Phan Thanh Giản	1	5.000
5	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Hữu Cảnh - Nguyễn Huệ	1	3.000
6	Nguyễn Hữu Cảnh	Bên đò qua Tân Long - kênh Xáng Múc	1	5.000
<b>II</b>	<b>Đường loại 2</b>			
7	Hai Bà Trưng	Phạm Hồng Thái - Phan Thanh Giản	2	2.000
8	Thoại Ngọc Hầu	Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	2	2.000
9	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	2	2.000
10	Phan Thanh Giản	Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	2	1.500
11	Phan Đình Phùng	Nguyễn Huệ - Trần Hưng Đạo	2	1.500
12	Châu Văn Liêm	Trần Hưng Đạo - Cuối ranh đất TT GDTX	2	1.500
13	Trần Hưng Đạo (nối dài)	Nguyễn Hữu Cảnh - sân vận động	2	2.000
14	Lý Thường Kiệt	Lê Lợi - Trần Hưng Đạo	2	1.500
15	Đường tỉnh 942	Nguyễn Hữu Cảnh - Ranh Long Điền A	3	2.500
<b>III</b>	<b>Đường loại 3</b>			
16	Nguyễn Văn Hưởng (số 6)	Nguyễn Hữu Cảnh - bờ kênh Xáng	3	1.500
17	Đường bờ kênh	Nguyễn Hữu Cảnh - rạch Ông	3	1.000

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
	Xáng	Chường		
18	Nguyễn An Ninh	Lê Lợi - Trần Hưng Đạo	3	1.000
19	Nguyễn Thái Học (nối dài)	Trần Hưng Đạo - ấp Chiến lược	3	1.000
20	Phạm Hồng Thái (nối dài)	Trần Hưng Đạo - ấp Chiến lược	3	1.000
21	Đường tỉnh 942 (Đường dẫn cầu ông Chường)	Đầu cầu ông Chường - bến xe TT Chợ Mới	3	2.000
22	Nguyễn Huệ nối dài	Đầu đường Trần Hưng Đạo - giáp ranh xã Long Điền B	3	800
23	Nguyễn Hữu Cảnh	Kênh Xáng Múc - Nguyễn Huệ nối dài	3	2.000
24	Quy hoạch số 10 (Đường Côn)	Ngã 3 giáp Đường tỉnh 942 trên - ngã 3 đường tỉnh 942 dưới	3	500
25	Đường kênh xáng AB	Cầu kênh Xáng - ranh Long Điền A	3	500
26	Khu dân cư Sao Mai	Giới hạn trong phạm vi khu dân cư	3	2.500
27	Đ. Kênh Đòn Dong	Nguyễn Hữu Cảnh - ranh Long Điền A	3	600
<b>B</b>	<b>Thị trấn Mỹ Luông</b>			
<b>I</b>	<b>Đường loại 1</b>			
1	Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 942 - sông Tiền	1	3.000
2	Bà Triệu	Đường tỉnh 942 - sông Tiền	1	3.000
3	Nguyễn Huệ	Đường tỉnh 942 - sông Tiền	1	2.800
4	Lê Lợi	Bà Triệu - Nguyễn Huệ	1	2.800
5	Đường tỉnh 942 (cũ)	Lộ Vòng cung - Mũi Tàu	1	3.000
<b>II</b>	<b>Đường loại 2</b>			
6	Trần Hưng Đạo	Hai Bà Trưng - Nguyễn Huệ	2	2.300
7	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Huệ - Mũi Tàu	2	2.000
8	Đường tỉnh 942 (cũ)	Ranh xã Long Điền A - Lộ Vòng cung	2	1.600
		Mũi Tàu - cầu (Mỹ Luông - Tân Mỹ)	2	1.600
9	Phố dọc kênh Chà Và	Đường tỉnh 942 - sông Tiền	2	2.000
10	Đường quy hoạch số 7	Đường tỉnh 942 (cũ) - Đường tỉnh 942 (mới)	2	1.500
11	Đường tỉnh 942 mới (Lộ vòng cung)	Mũi Tàu - Đường số 10	2	1.700
12	Hương lộ 1	Đường tỉnh 942 cũ - lộ Vòng cung mới	2	1.800

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
13	Đường vào Trung tâm thương mại TT Mỹ Luông (Đường Phòng khám Khu vực)	Ngã 3 lộ vòng cung - kênh Chà Và	2	2.000
<b>III</b>	<b>Đường loại 3</b>			
14	Trần Hưng Đạo	Hai Bà Trưng - kênh Chà Và	3	1.300
15	Đường quy hoạch số 10	Cầu (Mỹ Luông - Tân Mỹ) - Đường tỉnh 942 (mới)	3	800
16	Phố bờ sông Tiền	Kênh Chà Và - Nguyễn Huệ	3	1.300
		Nguyễn Huệ - cầu (Mỹ Luông - Tân Mỹ)	3	500
17	Đường quy hoạch số 8	Đường tỉnh 942 (cũ) - Đường tỉnh 942 (mới)	3	1.300
18	Đường kênh Chà Và (đường song song với Hương lộ 1)	Ngã tư đèn 4 ngọn đến Đường tỉnh 942 cũ	3	700
		Ngã tư đèn 4 ngọn - ranh Long Kiến	3	500
19	Đường kênh cột dây thép	Ranh Long Điền A - Cầu Sắt	3	300
20	Đường số 02	Đường số 7 - Đường số 8	3	1.200
21	Đường tỉnh 942 (mới)	Đường số 10 - Chùa Bà Tài	3	1.000
22	Đường tỉnh 942 (mới)	Đường chùa Bà Tài - Mương Cầu Chùa	3	1.000
23	Hương lộ 1	Ngã tư Đường tỉnh 942 (mới) - ranh Long Điền B	3	700
24	Đường tỉnh 942 (cũ)	Cầu (Mỹ Luông - Tân Mỹ) - mương cầu Chùa	3	800
25	Khu dân cư Mỹ Tân	Trong phạm vi khu dân cư	3	1.200
26	Đường Chùa bà Tài	Đường tỉnh 942 (cũ) - Đường tỉnh 942 (mới)	3	500
27	Phố bờ sông Tiền	Cầu (Mỹ Luông - Tân Mỹ) - Trường Tiểu học C	3	500
28	Đường kênh 77	Cầu Sắt - Mương Chùa	3	300
29	Đường kênh Mương Chùa	Đường tỉnh 942 - ranh Long Kiến	3	300
30	Đường Số 10 (nối dài)	Lò Giết Mổ (Đường tỉnh 942 - Kênh 77)	3	300
31	Đường Số 02	Đường chùa Bà Tài - Mương Cầu Chùa	3	500
32	Đường cặp Phòng khám khu vực	Từ đường tỉnh 942 - Kênh Chìm	3	400
33	Đường Kênh Đòn	Đoạn từ Kênh Cột Dây Thép -	3	300

Stt	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất vị trí 1
	Dong	Ranh Long Điền A		
34	Các đường còn lại	Chỉ xác định một vị trí	3	250

## B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
<b>I</b>	<b>Xã Hòa Bình</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Cầu Cái Đồi - Ngã ba Cồn An Thạnh	800
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ An Thuận (Phạm vi khu dân cư An Thuận)	2.000
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ An Hòa	1.800
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã):	
-	Tiếp giáp đường tỉnh 944	
+	Phà An Hòa cũ - cuối chợ An Thuận (An Hòa cũ)	1.000
+	Cuối chợ An Thuận - ngã 3 phà An Hòa mới	850
+	Ngã 3 Phà An Hòa mới - ranh An Thạnh Trung	500
+	Phà An Hòa mới - ngã 3 giáp Đường tỉnh 944	1.300
+	Xưởng tole Quốc Anh - Cống Rạch Thùng ĐT944 cũ	1.000
-	Tiếp giáp đường tỉnh 946	
+	Ranh An Thạnh Trung - cầu Cái Đồi	750
+	Ngã 3 ra cồn An Thạnh - Trường cấp I “B” Hòa Bình	600
+	Trường cấp I “B” Hòa Bình - ranh Hòa An	1.000
<b>3</b>	<b><i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</i></b>	300
<b>II</b>	<b>Xã Hòa An</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Tiểu học A - Nhà máy Tân Phát	1.000
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ An Khánh (Giới hạn trong phạm vi chợ)	1.000
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Khu dân cư và chợ xã Hòa An (UBND xã cũ)	1.875

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã):	
-	Tiếp giáp đường tỉnh 946	
+	Trường tiểu học “A”- ranh Hòa Bình	500
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Nhà máy Tân Phát - ranh Hội An	500
-	Ngã 3 cầu Thông Lưu - ngã 3 cầu Cái Bí	350
<b>3</b>	<b><i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</i></b>	300
<b>III</b>	<b>XÃ AN THẠNH TRUNG</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Cầu Rọc Sen - Cổng chùa Vạn Phước	600
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Rọc Sen (Đường tỉnh 944 vào đến trường Tiểu học B)	600
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ An Long	200
-	KDC An Quới	1.500
-	KDC An Bình	1.500
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã):	
-	Tiếp giáp đường tỉnh 944	
+	Cổng Chùa Vạn Phước - ranh Mỹ An	500
+	Cầu Rọc Sen - ranh xã Hòa Bình	500
-	Tiếp giáp đường tỉnh 946	
+	Ranh xã Long Kiến - ranh xã Hòa Bình	400
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Ngã 3 Chung Đùng - ranh Mỹ An	200
-	Ngã 3 cầu Cái Nai - Hương lộ 1	300
-	Kênh Xáng Long An - ranh Long Kiến	200
<b>3</b>	<b><i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</i></b>	200
<b>IV</b>	<b>Xã Long Kiến</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Cầu Xà Mách - hết Trạm Y tế xã Long Kiến	400

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Mương Tịnh (Cầu Mương Tịnh - cầu Xà Mách)	500
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ và khu dân cư Long Bình	500
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã):	
-	Tiếp giáp đường tỉnh 946	
+	Ranh Long Điền B - ranh An Thạnh Trung	400
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Đường Kênh Xáng AB (Từ cầu Kênh Xáng Long Điền B - Ranh An Thạnh Trung)	250
<b>3</b>	<b><i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</i></b>	200
<b>V</b>	<b>Xã Long Giang</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Công an xã cũ - Hết ranh Ủy ban xã	500
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Long Thạnh (chợ Chùa)	450
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ Sóc Chét	370
-	Chợ Dân Lập	450
-	Chợ Cà Mau	450
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Ranh Kiến Thành - ranh xã Nhơn Mỹ	400
-	Lộ Rạch Xoài bờ trên	260
-	Lộ Mương Chùa (ngã 3 lộ liên xã - kênh Cà Mau)	260
-	Hai bờ kênh Cà Mau (chợ Cà Mau - Ranh Kiến Thành và Nhơn Mỹ)	270
<b>3</b>	<b><i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</i></b>	250
<b>VI</b>	<b>Xã Nhơn Mỹ</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã và trung tâm chợ xã:	
-	Đường ra Trường Tiểu học A - Hết ranh xã đội	800

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã)	
-	Chợ Cái Gút	600
-	Chợ Sơn Đốt (KDC)	1.000
<b>2</b>	<b>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Ranh xã Kiến Thành - Ranh Mỹ Hội Đông	600
-	Cầu Mỹ Hòa - hết đình Nhơn An	400
-	Hết đình Nhơn An - giáp Ranh xã Long Giang	400
-	Đường dẫn bên phà Mương Ranh	400
-	Đường dẫn bên phà Sơn Đốt	400
<b>3</b>	<b>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</b>	250
<b>VII</b>	<b>Xã Mỹ Hội Đông</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Trường TH “A” MHD - Hết ranh cơ sở sản xuất gạch ngói Nhựt Quang	1.100
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Vàm Nao (Trường TH “A” MHD - hết ranh cơ sở sản xuất gạch ngói Nhựt Quang)	1.100
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ Đồng Tân	500
-	Chợ Tham Buôn	500
-	Cụm DC áp Mỹ Tân	600
-	Khu dân cư Mỹ Hội	800
-	Khu dân cư Mỹ Hòa	500
<b>2</b>	<b>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Ranh Kiến An - ranh xã Nhơn Mỹ	600
-	Đường Kênh Đồng Tân (ranh Kiến An - giáp cầu Đồng Tân)	300
-	Đường tránh khu sạt lở (Từ KDC Mỹ Hội - Kênh Ông Chủ)	300
-	Đường đầu nối 2 KDC Mỹ Hội và Mỹ Hòa	250
<b>3</b>	<b>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</b>	250
<b>VIII</b>	<b>Xã Kiến An</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Cụm dân cư Kiên Bình	1.000
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Quán Nhung (Cầu Ông Chưởng - đầu cống xã Niều)	900
<b>2</b>	<b>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã):	
-	Tiếp giáp đường tỉnh 942	
+	Từ ngã 3 Mũi Tàu - Phà Thuận Giang	900
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Ngã 3 cầu Thuận Giang - ranh Mỹ Hội Đông	500
-	Cống Xã Niều - hết Chùa Cỏ	600
-	Hết Chùa Cỏ - ranh xã Kiên Thành	500
-	Ngã 3 Cống Xã Niều - cầu Ba Bé	300
-	Ngã 3 phà Thuận Giang - cầu Đồi	300
-	Cầu Bảy Đực - ranh Mỹ Hội Đông (K. Đồng Tân)	300
-	Đường cộ hai Thới (mương áp chiến lược - kênh Cà Mau)	200
-	Đường cộ (Cầu Đình - Cầu Hai Triết)	300
-	Đường Kênh Cà Mau (Từ KDC Kiên Bình - Ranh Kiên Thành)	250
-	Cầu ngã tư Kiên Bình - Cầu Sáu Biếm	250
<b>3</b>	<b>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</b>	200
<b>IX</b>	<b>Xã Kiên Thành</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Nhà ông Đám (trại cưa) - cầu Cái Xoài	900
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Cái Xoài (Cầu Cái Xoài - hết nhà ông Vũ (thửa 346, tờ 25))	1.200
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ Mương Lớn	500
-	Khu dân cư Cà Mau	450
<b>2</b>	<b>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Ranh xã Kiên An - ranh xã Long Giang	400
-	Giáp trung tâm chợ xã - ranh xã Nhơn Mỹ	500
-	Tuyến Kênh Mương Lớn (Cầu Mương Lớn - Kênh Cà Mau)	250
-	Tuyến Kênh Cà Mau (Ranh xã Kiên An - Ranh xã Long Giang)	250
-	Tuyến Kênh Lung Giang (Từ kênh Mương Lớn - kênh Cái Xoài)	250
-	Đường Kênh Áp Chiến Lược (Từ Mương Lớn - UBND xã mới)	250
<b>3</b>	<b>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một</b>	200



Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
	<i>vị trí</i>	
<b>X</b>	<b>Xã Long Điền A</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Cầu Chợ Thủ (phía UBND xã) - hết ranh Huyện đội	1.200
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Thủ (Cầu Chợ Thủ - Trường tiểu học Phù Đổng)	1.200
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Khu dân cư Long Điền A	1.200
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã):	
-	Tiếp giáp đường tỉnh 942	
+	Từ ranh thị trấn Mỹ Lương - ranh thị trấn Chợ Mới	1.200
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Ngã 3 cầu Chợ Thủ - ranh xã Long Điền B	350
-	Ngã 3 Nhà Thờ - ngã 3 cầu Chợ Thủ	250
-	Ngã 3 cua Be Lùn - ngã 3 lò gạch Thu Thảo	250
-	Đầu cầu cột dây thép - ranh Thị trấn Mỹ Lương	300
-	Đường Kênh Hòa Bình (Đường tỉnh 942 - Kênh Xáng AB)	250
-	Đường Kênh Mương Ông Cha (Đường tỉnh 942 - Kênh Đòn Dong)	250
-	Đường Áp Chiến Lược (Ranh thị trấn Chợ Mới - Kênh Mương Ông Cha)	250
-	Đường Bờ Đông Kênh Quán Bền (Đường tỉnh 942 - Kênh Xáng AB)	250
<b>3</b>	<b><i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</i></b>	200
<b>XI</b>	<b>Xã Long Điền B</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Bà Vệ (Cầu bà Vệ - ngã ba bà Vệ)	700
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã):	
-	Tiếp giáp đường tỉnh 946	
+	Ngã 3 mương Cả Thú - ngã 3 Bà Vệ	500
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Cầu kênh Xáng - ngã 3 mương Cả Thú (Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài)	2.000
-	Cầu kênh Xáng - qua hết khu dân cư	850
-	Ngã 3 kênh Trà Thôn - ranh Long Điền A	250
-	Ngã 3 Bà Vệ - ranh TT. Mỹ Luông	400
-	Đường Kênh Xáng AB (Từ hết KDC - Ranh xã Long Kiên)	250
3	<b>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</b>	200
<b>XII</b>	<b>Xã Mỹ An</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Ngã ba kênh Cựu Hội - công tư Há	600
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Kênh Cựu Hội (Ngã ba kênh Cựu Hội - công tư Há)	600
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ Thầy Cai	500
<b>2</b>	<b>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã):	
-	Tiếp giáp đường tỉnh 944	
+	Ranh An Thạnh Trung - Công Tư Há	500
+	Công Tư Há - Ngã 3 Cựu Hội	600
-	Tiếp giáp đường tỉnh 942	
+	Từ Đầu cầu kênh Cựu Hội - Ranh thị trấn Mỹ Luông	600
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Đường kênh Thầy Cai từ ĐT 942 - Ranh An Thạnh Trung	250
-	Đường làng nghề đan lát	200
3	<b>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</b>	200
<b>XIII</b>	<b>Xã Hội An</b>	
<b>1</b>	<b>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Mương Bà Phú - đầu Cầu Cái Tàu thượng	1.300
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Cái Tàu Thượng (Từ đường tỉnh 942 - đường số 1(khu vực chợ mới))	1.200
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Khu dân cư ấp Thị	1.000

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp với Đường tỉnh (trừ trung tâm chợ và trung tâm hành chính xã):	
-	Tiếp giáp đường tỉnh 942	
+	Từ Mường Bà Phú - Đầu Cầu Cự Hội	1.000
b	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Tỉnh lộ 942 - Đường số 1 (Đường vào chợ cũ)	1.000
-	Đường số 01 - mương Hội Đồng	600
-	Mương Hội Đồng - ranh Hòa An	600
-	Lộ Cái Nai (ngã 3 lộ liên xã - ranh An Thạnh Trung)	300
-	Lộ La Kết (ngã 3 lộ liên xã - ranh An Thạnh Trung)	200
-	Lộ Mường Sung (ngã 3 lộ liên xã - chợ Rọc Sen)	200
-	Lộ Cự Hội (ngã 3 Đường tỉnh 942 - ranh xã An Thạnh Trung)	200
<b>3</b>	<b><i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</i></b>	200
<b>XIV</b>	<b>Xã Tấn Mỹ</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Cầu Lê Phước Cương - hết Trạm Y tế	500
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Tấn Mỹ (Phạm vi Chợ)	500
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ Tấn Hưng	400
-	Chợ Tấn Long	300
-	Chợ Bà Hai Quây	700
-	Khu dân cư Tấn Lợi	700
-	Cụm dân cư Kênh 03 xã	470
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Bên đò Cột Dây Thép - Công kênh Chó Mực	400
-	Giáp trung tâm hành chính xã - ranh xã B.P.Xuân	400
-	Ngã 3 Bưu điện xã - ranh Mỹ Hiệp	400
-	Cầu Lê Phước Cương - ngã 4 Chùa Thành Hoa	400
-	Tuyến đường chính ấp Tấn Thuận	250
-	Tuyến đường chính ấp Tấn Long	250
-	Cầu gẫy Tấn Hưng - Kênh Lê Minh Quang	250
-	Đường kênh Lê Minh Quang	250
-	Ngã tư chùa Thành Hoa đến bên đò Tấn Long	250
<b>3</b>	<b><i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</i></b>	200

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
	<i>vị trí)</i>	
<b>XV</b>	<b>Xã Mỹ Hiệp</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Nhà bia tường niệm - bên đò Mỹ Hiệp	1.500
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Mỹ Hiệp (Cầu UBND xã - đường vào Sân bóng đá và vòng về bia tường niệm)	1.500
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ Đình	400
-	Chợ Đâu Kênh	400
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Ranh Tân Mỹ - Nhà bia tường niệm	400
-	Cầu Ông Lão - ranh xã Bình Phước Xuân	400
-	Ngã 3 Lò Heo - ngã 4 bến đò Bình Thành	400
-	Bến đò Bình Thành - ranh xã Tân Mỹ	400
-	Cầu UBND xã - Ngã 3 lò heo	800
-	Cụm dân cư Mỹ Hiệp	800
-	Cầu ông lão - Trung tâm xã	800
<b>3</b>	<b><i>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</i></b>	200
<b>XVI</b>	<b>Xã Bình Phước Xuân</b>	
<b>1</b>	<b><i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã:	
-	Rạch cả Cái - rạch cả Cao	600
b	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã	
-	Chợ Bình Trung (Rạch cả Cái - rạch cả Cao)	600
c	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).	
-	Chợ áp Bình Tấn	250
-	Khu dân cư xã Bình Phước Xuân	600
<b>2</b>	<b><i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i></b>	
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:	
-	Trung tâm chợ xã - bến đò Rạch Sâu	400
-	Ranh xã Tân Mỹ - ngã 4 bến đò Rạch Sâu	400
-	Ngã tư bến đò Rạch Sâu - Ban áp Bình Tấn	250
-	Trung tâm chợ xã - ranh xã Mỹ Hiệp	400

Stt	Khu vực	Giá đất vị trí 1
-	Cầu Chợ Bình Trung - Vàm Cỏ Dứa	250
-	Cầu Lái Quán - Cầu Chợ Bình Tân	250
-	Tuyên Kênh Mới	250
-	Cầu Cả Cao - Cầu Xẻo Vải	250
3	<b>Khu vực 3: đất ở nông thôn khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)</b>	200

### C. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
<b>I</b>	<b>Thị trấn Chợ Mới</b>		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	120	
2	Đất trồng cây lâu năm	150	
<b>II</b>	<b>Thị trấn Mỹ Luông</b>		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	Trong giới hạn: - Đông giáp sông Tiền (từ kênh Cột dây Thép - đường số 10). - Tây giáp Kênh 77. - Nam giáp đường Chùa bà Tài. - Bắc giáp ranh xã Long Điền A.	120	
b	Tiếp giáp Đường tỉnh	80	
c	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu, sông Tiền)	60	
d	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	35	
2	Đất trồng cây lâu năm		
a	Trong giới hạn: - Đông giáp sông Tiền (từ kênh Cột dây Thép - đường số 10). - Tây giáp Kênh 77. - Nam giáp đường Chùa bà Tài. - Bắc giáp ranh xã Long Điền A.	150	
b	Tiếp giáp Đường tỉnh	120	96
c	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu, sông Tiền)	70	56
d	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	40	
<b>III</b>	<b>Xã Hòa Bình</b>		
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	100	80
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	80	64

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	50	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	110	88
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	90	72
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	60	
<b>IV</b>	<b>Xã Hòa An</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	100	80
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	50	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	110	88
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	90	72
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	60	
<b>V</b>	<b>Xã An Thạnh Trung</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	60	48
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	50	40
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	70	56
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	40	
<b>VI</b>	<b>Xã Long Kiến</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	70	56
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	50	40
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	80	64
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	40	

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
<b>VII</b>	<b>Xã Long Giang</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	80	64
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	50	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	90	72
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	60	
<b>VIII</b>	<b>Xã Nhơn Mỹ</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	80	64
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	50	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	90	72
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	60	
<b>IX</b>	<b>Xã Mỹ Hội Đông</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	90	72
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	40	
<b>X</b>	<b>Xã Kiến An</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	70	56
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	40	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	80	64
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	70	56
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	50	
<b>XI</b>	<b>Xã Kiến Thành</b>		

Stt	Khu vực	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>			
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)		50	40
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)		30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>			
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)		60	48
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)		40	
<b>XII</b>	<b>Xã Long Điền A</b>			
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>			
a	Tiếp giáp đường tỉnh		80	64
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)		60	48
		Đối với đất giáp ranh TT Chợ Mới (bán kính từ địa giới hành chính 150m trở về xã Long Điền A)	90	72
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)		35	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>			
a	Tiếp giáp đường tỉnh		120	96
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)		70	56
		Đối với đất giáp ranh (bán kính từ địa giới hành chính 150m) giáp với TT Chợ Mới, TT Mỹ Luông	100	80
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)		40	
<b>XIII</b>	<b>Xã Long Điền B</b>			
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>			
a	Tiếp giáp đường tỉnh		70	56
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)		50	40
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)		30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>			
a	Tiếp giáp đường tỉnh		80	64
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)		60	48
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)		40	
<b>XIV</b>	<b>Xã Mỹ An</b>			
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>			
a	Tiếp giáp đường tỉnh		60	48



Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	50	40
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	70	56
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	40	
<b>XV</b>	<b>Xã Hội An</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	60	48
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp đường tỉnh	70	56
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	70	56
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	50	
<b>XVI</b>	<b>Xã Tân Mỹ</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Khu vực Cồn Én	85	
b	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	70	56
c	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	40	
<b>XVII</b>	<b>Xã Mỹ Hiệp</b>		
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	70	56
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	40	
<b>XVIII</b>	<b>Xã Bình Phước Xuân</b>		

Stt	Khu vực	Giá đất	
		Vị trí 1	Vị trí 2
1	<i>Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	60	48
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	30	
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>		
a	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, Sông Hậu, Sông Tiền)	70	56
b	Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)	40	